

Bản án số: 52/2026/HS-PT

Ngày: 11 – 02 – 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr; Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 312/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025, đối với các bị cáo Võ Đại Đức T, Lê Minh T1, Lâm Minh N, Ngô Trung H, Võ Ngọc T2. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2025/HS-ST ngày: 25/9/2025 của TAND Khu vực I – Đắk Lắk

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Võ Đại Đức T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 23/7/1992; Tại: Tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: 4 Đ, phường B, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Võ Thanh L (đã chết); con bà: Cái Thị Minh T3, sinh năm 1962, hiện trú tại: 4 Đ, phường B, tỉnh Khánh Hòa. Gia đình bị cáo có 03 chị em ruột; bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Phương T4, sinh năm: 1997 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam Buôn Ma T5 – Trại tạm giam số 1, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 29/5/2024 cho đến nay.

2. Lê Minh T1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 14/9/1991; Tại: Tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: 1 H, xã V, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lê Đức T6, sinh năm 1964; con bà: Công Huyền Tôn Nữ M, sinh năm 1964; hiện trú tại: 1 H, xã V, tỉnh Khánh Hòa. Gia đình bị cáo có 03 anh em ruột; bị cáo là con đầu trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam Buôn

Ma T5 – Trại tạm giam số 1, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 29/5/2024 cho đến nay.

3. Lâm Minh N; Giới tính: Nam; Sinh ngày 25/3/1995; Tại: Tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lâm Hồng T7, sinh năm 1961; con bà: Võ Thị Xuân T8, sinh năm 1960; hiện trú tại: Tổ dân phố M, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Gia đình bị cáo có 03 chị em ruột; bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo có vợ là Vy Thị Kiều T9, sinh năm 1997, bị cáo có 01 con là Lâm Hoàng Gia N1, sinh năm 2023; hiện trú tại: Tổ dân phố M, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam Buôn Ma T5 – Trại tạm giam số 1, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 29/5/2024 cho đến nay.

4. Ngô Trung H; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05/6/1992; Tại: Tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: 7 P, phường B, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nội thất; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Ngô Văn B (đã chết); con bà: Lê Thị H1, sinh năm 1957, hiện trú tại V, tỉnh Khánh Hòa. Gia đình bị cáo có 05 chị em ruột; bị cáo là con thứ năm trong gia đình. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Lê V, sinh năm 1993 (đã ly hôn), bị cáo có 01 con là Ngô Hạ Bình A, sinh năm 2020; hiện trú tại: G N, phường B, tỉnh Khánh Hòa. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam Buôn Ma T5 – Trại tạm giam số 1, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 29/5/2024 cho đến nay.

5. Võ Ngọc T2; Giới tính: Nam; Sinh ngày 30/4/1996; Tại: Tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Võ T10, sinh năm 1972; con bà: Nguyễn Thị N2, sinh năm 1971; hiện trú tại: Thôn L, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 02 anh em ruột; bị cáo là con đầu trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam Buôn Ma T5 – Trại tạm giam số 1, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 29/5/2024 cho đến nay.

*** Người bào chữa:**

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Đại Đức T:* Luật sư Trần Trọng H2 – Văn phòng L1; địa chỉ: Số E Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk; Luật sư Trần Quang T11 và Luật sư Lê Phúc Y – Văn phòng L1; địa chỉ: Số A, đường số E, phường B, thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người bào chữa cho bị cáo Lâm Minh N:* Luật sư Lê Xuân Anh P – Công ty L2 và Cộng S. Địa chỉ: Số I P, phường B, tỉnh Đắk Lắk; Luật sư Võ Thị Thu H3 – Công ty L3. Địa chỉ: Số A Bà T, phường B, tỉnh Đắk Lắk; Luật sư Lê Văn T12 – Văn phòng Luật sư Lê Văn T12 và cộng sự; địa chỉ: Số A đường N, phường N, tỉnh

Khánh Hòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T1*: Luật sư Võ Thị Thu H3 – Công ty L3; địa chỉ: Số A Bà T, phường B, tỉnh Đắk Lắk; Luật sư Lê Văn T12 – Văn phòng Luật sư Lê Văn T12 và cộng sự; địa chỉ: Số A đường N, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc T2*: Luật sư Trần Trọng H2 – Văn phòng L1; địa chỉ: Số E Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk; Luật sư Võ Thị Thu H3 – Công ty L3; địa chỉ: Số A Bà T, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Tất cả các bị cáo và Luật sư đều có mặt.

* **Người bị hại**: Ông Nguyễn D2, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 12 năm 2023, Ngô Trung H đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) chơi và quen biết Nguyễn D2, sinh năm 1995, trú tại tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là tổ dân phố T, phường B, tỉnh Đắk Lắk). Quá trình quen biết, H biết D2 kinh doanh, buôn bán cây gỗ keo, nên rủ Võ Đại Đức T, Võ Ngọc T2, Lâm Minh N, Lê Minh T1 và Lê Xuân C, sinh năm 1994, trú tại số A đường H, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là 18/9 đường H, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, là em ruột của T1 cùng nhau góp tiền với D2 để thu mua cây keo bán lại kiếm lời, thì tất cả đồng ý.

T, T2, N, T1, H và C cùng nhau đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) gặp D2, thì được D2 dẫn đến một khu vực trồng cây keo thuộc huyện K, tỉnh Đắk Lắk và rủ T, T2, N, T1, H và C cùng nhau góp tiền mua cây keo, trong khoảng 10-15 ngày D2 sẽ làm xong giấy tờ và bắt đầu thu hoạch cây keo, thì tất cả đồng ý. Sau đó, T, T2, N, T1 và C cùng nhau thỏa thuận, T2 góp số tiền 160.000.000 đồng, T1 góp 130.000.000 đồng, N góp 50.000.000 đồng. Tổng số tiền T2, T1 và N góp mua cây keo là 340.000.000 đồng. Khi đến thời gian thu hoạch cây keo như đã hẹn, thì D2 lại thông báo bị vướng bận hồ sơ, chưa xử lý xong, nên tiếp tục kéo dài thời gian. Do chờ đợi lâu không thu hoạch được cây keo, nên T, T2, N, T1 và C yêu cầu rút vốn, thì D2 và nhóm của T thỏa thuận D2 sẽ trả lại số tiền 340.000.000 đồng đã góp và 50.000.000 đồng chi phí đi lại, ăn uống, tổng số tiền D2 nợ là 390.000.000 đồng. Từ đầu tháng 3 năm 2024 đến ngày 10 tháng 4 năm 2024, D2 đã trả cho C số tiền 25.000.000 đồng, trả cho N số tiền 50.000.000 đồng, trả cho H số tiền 35.000.000 đồng, trả cho T số tiền 20.000.000 đồng và trả cho T1 số tiền 5.000.000 đồng

Ngày 10/4/2024, T, T2, N, T1, H và C từ thành phố N lên Buôn M gặp anh D2, yêu cầu anh D2 viết giấy xác nhận số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng, cam kết

đến ngày 16/4/2024 sẽ trả hết số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi viết giấy nhận nợ xong, D2 phát hiện số tiền nợ còn lại bị nhầm lẫn, chỉ còn nợ lại số tiền 370.000.000 đồng, nên có nhắn tin cho N về việc số tiền bị nhầm lẫn và chỉ còn nợ lại số tiền 370.000.000 đồng (gồm tiền góp mua cây keo và tiền chi phí đi lại, ăn uống), thì N đồng ý và nói sẽ trừ lại số tiền đó sau.

Đến ngày 13 tháng 4 năm 2024, D2 đã trả cho T số tiền 10.000.000 đồng; ngày 17 tháng 4 năm 2024, trả cho N số tiền 60.000.000 đồng; ngày 27 tháng 4 năm 2024, trả cho N số tiền 20.000.000 đồng; ngày 23 tháng 5 năm 2024, trả cho H số tiền 25.000.000 đồng. Tổng số tiền D2 đã trả cho nhóm của T là 115.000.000 đồng.

Ngày 26 tháng 5 năm 2024, D2 có nhắn tin cho H hỏi tổng số tiền còn nợ là bao nhiêu, thì H trả lời còn nợ số tiền 270.000.000 đồng, chưa tính số tiền 10.000.000 đồng đã trả cho T, nếu tính vào thì còn nợ số tiền 260.000.000 đồng, thì D2 đồng ý. Sau đó, H yêu cầu D2 chuyển thêm cho H số tiền 5.000.000 đồng, thì D2 đồng ý. Như vậy, tổng số tiền anh D2 còn nợ tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2024 là 255.000.000 đồng.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, T, T1, T2, N, H cùng nhau thỏa thuận thuê xe ô tô đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tìm D2 để đòi nợ, T rủ Bùi Viết Q cùng đi với T, T1, T2, N, H đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk gặp D2 để đòi nợ, thì Q đồng ý. Sau đó, N đã thuê một xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Innova, màu bạc, biển kiểm soát 79A–002.36, đã qua sử dụng, của Phạm Đình H4, trú tại: Tổ I T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là Tổ I T, phường B, tỉnh Khánh Hòa), để làm phương tiện đi phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Sáng ngày 28 tháng 5 năm 2024, T2 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 79A–002.36 chở T, T1, N, H, Q đi từ tỉnh Khánh Hòa đến phường B, tỉnh Đắk Lắk, tìm D2 nhưng chưa gặp được D2, nên cả nhóm ngồi chờ tại một quán cà phê (chưa rõ địa điểm). Trong lúc cả nhóm ngồi chờ, T đã nói N chở T đi ra quán tạp hóa (chưa rõ tên và địa chỉ), rồi T vào mua 01 con dao, cán dao bằng nhựa, dài khoảng 30cm, bề rộng 05cm, cất giấu trong chiếc áo khoác màu đen mà T2 đang mặc, nhằm mục đích khi gặp D2 đòi nợ mà D2 gọi người đến đánh nhóm của T, thì sẽ dùng làm hung khí để đánh lại. Do chưa tìm được D2, nên vào lúc 12 giờ 04 phút cùng ngày, T1 sử dụng điện thoại của mình nhắn tin đến số điện thoại 0842.466.647 của D2, với nội dung: *“Tiền của ae tao bây giờ m tính sao. Nói thẳng. Mày nghĩ lấy tiền ae tao xong chặn số tao là xong à. Bữa giờ tao để yên cho m làm ăn mà mày vẫn dặt vòng vòng. M đừng để liên lụy tới vợ con gia đình m, mối quan hệ của m thì hết đường nha. Mày muốn tám hình này đi khắp đất Buôn Mê ko”* (kèm tám hình D2 đang quỳ, bên phải có hình mặt trước căn cước công dân và giấy phép lái xe của D2 và dòng chữ *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* để đe dọa, gây áp lực buộc D2 phải trả nợ, rồi cùng với cả nhóm tiếp tục đi tìm D2. Đến 14 giờ 04 phút cùng ngày, D2 sử dụng số tài khoản 1101995555 của D2 mở tại ngân hàng T17 chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào số

tài khoản 0061001053323 của H để tiếp tục trả nợ. Đến khoảng 14 giờ 06 phút cùng ngày, T, T1, N, H, Q và T2 phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, màu cam, biển kiểm soát 47C-269.76 của D2 đang đậu ở phía trước ngôi nhà thuộc Buôn A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn Ako D, phường B, tỉnh Đắk Lắk), nên đi vào và yêu cầu D2 ra khu vực trước nhà để nói chuyện. Khi D2 đi ra, thì T, T1, T2, N, H, Q đứng vây quanh D2 yêu cầu trả tiền. Tại đây, do bức xúc việc trước đó D2 không chuyển tiền cho T, mà nói với cả nhóm đã trả thêm cho T số tiền 10.000.000 đồng, nên T đã đi ra bãi đất trống phía sau, rồi nhặt 01 cục gạch, kích thước (8 x 9 x 8)cm đi đến vị trí D2 đang ngồi, dùng tay phải đánh 01 cái trúng vào vùng trán phải của D2 gây thương tích. Sau đó, T nói D2: *“Mày trả tiền đi không mày không xong với tao đâu, coi chừng tao đâm mày lòi bụng ra đó”*, rồi T, T2, Q, N, T1, H tiếp tục đứng xung quanh đe dọa và gây sức ép, buộc D2 phải trả hết số tiền 235.000.000 đồng còn lại (đã tính cả số tiền 10.000.000 đồng mà D2 nói cả nhóm chuyển cho T1 vào tổng số tiền đã trả). Do vừa bị T đánh xong cùng với việc T, T2, Q, N, T1, H đe dọa, gây sức ép, nên D2 hoảng sợ và sử dụng tài khoản ngân hàng T17 của D2 chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào số tài khoản 0061001184929 mở tại Ngân hàng V1 của N. Lúc này, do lo sợ nhóm của T sẽ làm ảnh hưởng đến gia đình, nên D2 nói cả nhóm ra đầu đường đợi, để D2 đi vay mượn tiền để trả, nhưng cả nhóm không đồng ý và bắt D2 phải lên xe ô tô biển kiểm soát 79A-002.36 chở đi nơi khác. Khi D2 không chịu lên xe, thì T1 tiếp tục đe dọa và nói với D2 *“Mày lên không, tao đâm mày giờ!”*, T2 kéo tay, đẩy D2 lên xe ô tô biển kiểm soát 79A-002.36, còn Q và T1 đứng phía sau hỗ trợ. Sau đó, T2 điều khiển xe ô tô, T ngồi ghế phụ, T1 và H ngồi ghế sau cùng (hàng ghế thứ ba), N và Q ngồi hàng ghế thứ hai giữ D2 ở giữa, không để D2 bỏ chạy, rồi chở D2 đi trên các tuyến đường tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhằm đe dọa và ép D2 phải trả số tiền 225.000.000 đồng còn nợ. Quá trình giữ D2 trên xe ô tô biển kiểm soát 79A-002.36, T, T1, H, Q, T2 và N liên tục thay nhau có những lời nói đe dọa, gây sức ép buộc D2 phải trả nợ. Khi T2 điều khiển xe ô tô đến khu vực Trường mầm non H7, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), thì cả nhóm để D2 xuống xe gọi điện cho người thân vay tiền trả nợ. Tại đây, cả nhóm yêu cầu D2 xác nhận số tiền còn nợ, thì D2 nói còn nợ số tiền 225.000.000 đồng, nên T nói Q *“Mày đứng ở sau kẹp lại cho tao”*, mục đích để giám sát, khống chế D2, không cho D2 bỏ chạy, thì Q hiểu và đi ra phía sau D2 giám sát, đứng kèm không để D2 bỏ chạy. Sau đó, T, T2, Q, N, T1, H tiếp tục sử dụng lời nói đe dọa, gây sức ép, uy hiếp và thúc dục D2 trả tiền. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, do lo sợ không có tiền để trả thì sẽ tiếp tục bị T, T2, Q, N, T1, H đe dọa, đánh đập gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, nên D2 đã lên lút báo cho chị Hồ Thị T13 (là vợ của D2) về việc đang bị nhóm của T khống chế, đe dọa để yêu cầu trả số tiền 225.000.000 đồng và nói chị T13 chuyển khoản cho D2 số tiền 30.000.000 đồng để trả nợ trước, thì chị T13 đồng ý. Rồi chị T13 trình báo đến Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, T, T2, Q, N, T1, H ép D2 lên xe ô tô biển kiểm soát 79A-002.36 và để D2 ngồi tại vị trí cũ do N và Q giữ ở hai bên, rồi T2 điều khiển xe ô tô tiếp tục đi chuyển trên các tuyến đường thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình di chuyển trên xe, T, T2, Q, N, T1, H tiếp tục thay nhau sử dụng lời nói đe dọa, gây áp lực, buộc D2 phải trả tiền, nên khi chị T13 chuyển số tiền 30.000.000 đồng, thì D2 hoảng sợ và sử dụng tài khoản ngân hàng T17 của D2 chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào số tài khoản 0061001184929 mở tại Ngân hàng V1 của N. Tổng số tiền D2 còn nợ lại là 195.000.000 đồng. Sau khi nhận thêm số tiền 30.000.000 đồng, thì T, T2, Q, N, T1, H tiếp tục sử dụng lời nói đe dọa, gây áp lực, buộc D2 phải trả thêm tiền, nên D2 nói mới vay thêm được số tiền 30.000.000 đồng tiền mặt và nói nhóm của T đến đường T gần khu vực Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) để lấy tiền, thì nhóm của T đồng ý và T2 điều khiển xe ô tô đi về hướng Quảng trường 10/3. Đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, khi T2 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 79A-002.36 chở T, T1, H, N, Q và D2 dừng xe trước địa chỉ số A đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là A đường T, phường B, tỉnh Đắk Lắk) để lấy tiền do người nhà D2 mang đến, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ) bắt quả tang.

* Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 432/KLTTCT-PY ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đ đối với Nguyễn D2 kết luận:

“2.1. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn D2: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Dương T14 thời điểm giám định là: 11% (Mười một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Kết luận khác:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Nguyễn D2:
- + Vết thương (đã khâu) cung mày phải, kích thước (5 x 0,1)cm, tỷ lệ 3% (Ba phần trăm).
- + Gãy thành trước xoang trán phải, tỷ lệ 8% (Tám phần trăm).

- Vật tác động: Vật tày, cứng, có cạnh.

* Tại Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 709/KLTTCT-PY ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đ, đối với Nguyễn D2 kết luận:

“2.1. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Dương :

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y1: Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn

Dương T14 thời điểm giám định là: 11% (Mười một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Kết luận khác:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Nguyễn Dương :
- Vết thương để lại sẹo nằm chéo đuôi cung mày phải, bờ đều, kích thước (5 x 0,1)cm, tỷ lệ 3% (Ba phần trăm).

+ Xây xát thái dương trán phải, xây xát gò má đuôi mắt phải tại thời điểm giám định đã lành không để lại sẹo và không làm biến đổi sắc tố da trong Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích không có đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể hay tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 0% (Không phần trăm).

+ Gãy thành trước xoang trán phải, tỷ lệ 8% (T15 phần trăm)”.

* Tại Kết luận giám định số 1531/KL-KTHS ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ, kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 đoạn video giám định và chụp được 23 hình ảnh diễn biến hành vi trong 02 đoạn video giám định trên.

* Tại Kết luận giám định số 772/KL-KTHS ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ, kết luận: Điện thoại di động Realme 10 Pro5G, màu đen (ký hiệu A): Không tìm thấy tập tin ghi âm “Ghi âm tiêu chuẩn 72.MP3” trong ứng dụng Trình ghi âm.

* Tại Kết luận giám định số 1122/KL-KTHS ngày 15 tháng 8 năm 2025 của P1 - Bộ C3 tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Không tìm thấy tệp âm thanh tên “Ghi âm tiêu chuẩn 72.mp3” trong điện thoại di động mẫu cần giám định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 61/2025/HS-ST ngày: 25/9/2025 của TAND Khu vực I – Đắc Lắc đã quyết định:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 3 Điều 170, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Võ Đại Đức T:** 02 (H5) năm tù về tội Cố ý gây thương tích; 02 (H5) năm tù về tội Giữ người trái pháp luật; 09 (C1) năm tù về tội Cường đoạt tài sản;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả ba tội buộc bị cáo Võ Đại Đức T phải chấp hành là: 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/05/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Minh T1:** 01 (Một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”; 09 (C1) năm tù về tội “Cường đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo Lê Minh T1 phải chấp hành là: 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/05/2024.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lâm Minh N**: 02 năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”; 09 (C1) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo Lâm Minh N phải chấp hành là: 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/05/2024.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Ngô Trung H**: 02 năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”; 09 (C1) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo Ngô Trung H phải chấp hành là: 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/05/2024.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Ngọc T2**: 02 năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”; 09 (C1) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo Võ Ngọc T2 phải chấp hành là: 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/05/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Bùi Viết Q; về các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2025 và ngày 08/10/2025, các bị cáo Võ Đại Đức T, Ngô Trung H, Lê Minh T1, Lâm Minh N, Võ Ngọc T2 có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Bị cáo Võ Đại Đức T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh “Cố ý gây thương tích” vì tổn thương thực tế của bị hại chưa làm tròn chỉ là 10,76%, đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” thì các bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền 40 .000.000 đồng; đối với tội “Bắt giữ người trái pháp luật” bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Bị cáo Lê Minh T1 kháng cáo cho rằng quá trình điều tra bị ép cung, không xem xét các chứng cứ quan trọng của vụ án dẫn đến oan sai;

- Bị cáo Lâm Minh N kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh “Giữ người trái

pháp luật” vì cho rằng bị hại Nguyễn Dương tự N3 lên xe của các bị cáo; đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”, bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo chỉ phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 370 Bộ luật hình sự;

- Các bị cáo Ngô Trung H, Võ Ngọc T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Minh T1, Ngô Trung H, Võ Ngọc T2 thay đổi kháng cáo, đề nghị xem xét lại tội danh Cưỡng đoạt tài sản, các bị cáo cho rằng hành vi của các bị cáo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Đối với tội giữ người trái pháp luật, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về kháng cáo đối với tội “Cố ý gây thương tích”: Bị cáo và Luật sư cho rằng tỷ lệ thương tích của bị hại Nguyễn Dương C2 là 10,76%, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS xử phạt đối với bị cáo Võ Đại Đức T là không đúng:

Theo Kết luận giám định số 432/KLTTCT-PY ngày 29/5/2024; Kết luận giám định bổ sung số 709/KLTTCT-PY ngày 18/9/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đ và tại văn bản số 21/GĐTH-TTPY ngày 12/01/2026 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đ xác định: Bị hại Nguyễn D2 có các thương tích: Vết thương cung mày phải là 2.76%; gãy thành trước xoang trán phải là 8%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10,76%, làm tròn là 11% được xác định theo đúng phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1. Đây là kết luận chuyên môn, không làm thay đổi kết luận giám định chính thức. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Về kháng cáo đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”: Tại thời điểm bị cáo T dùng gạch đánh bị hại, số tiền bị hại còn nợ được chính các bị cáo xác định là 235.000.000 đồng và các bị cáo đã dùng bạo lực, đe dọa bạo lực nhằm buộc bị hại phải trả số tiền này. Tội “Cưỡng đoạt tài sản” căn cứ vào số tiền mà các bị cáo buộc bị hại phải giao nộp, không phụ thuộc vào việc các bị cáo đã chiếm đoạt được bao nhiêu tiền trên thực tế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

Về kháng cáo của bị cáo Lê Minh T1 cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố có hành vi ép cung, mớm cung, từ đó dẫn đến việc khởi tố, truy tố và xét xử oan sai đối với bị cáo:

Lời khai của bị cáo Lê Minh T1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm có sự tham gia của người bào chữa theo đúng quy định, có đối chất khi cần thiết. Các lời khai của bị cáo phù hợp, thống nhất với lời khai của các bị cáo khác,

lời khai của bị hại, dữ liệu chuyển tiền, dữ liệu điện tử, video ghi lại diễn biến vụ việc đã được giám định hợp pháp. Bị cáo Lê Minh T1 là người trực tiếp nhắn tin, đe dọa, sử dụng hình ảnh bôi nhọ danh dự bị hại, tham gia khống chế, ép buộc bị hại lên xe, cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi cưỡng đoạt buộc bị hại phải trả tiền, thể hiện vai trò tích cực trong hành vi phạm tội.

Đối với kháng cáo của bị cáo Ngô Trung H và Võ Ngọc T2 cho rằng trong vụ án còn có những tình tiết chưa được đánh giá phù hợp với lời khai của các bị cáo:

Toàn bộ lời khai của các bị cáo Ngô Trung H và Võ Ngọc T2 trong quá trình điều tra phù hợp, thống nhất với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của bị hại Nguyễn D2, các chứng cứ vật chất, dữ liệu điện tử và tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Ngô Trung H là người trực tiếp liên hệ, trao đổi, xác nhận số tiền bị hại còn nợ, tham gia đe dọa, gây sức ép buộc bị hại phải chuyển tiền. Võ Ngọc T2 là người điều khiển phương tiện chở các bị cáo và bị hại, trực tiếp tham gia kéo, đẩy, ép bị hại lên xe, tham gia hành vi giữ người trái pháp luật, tạo điều kiện cho việc cưỡng đoạt tài sản. Các bị cáo đều giữ vai trò tích cực trong vụ án.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Minh N4 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 BLHS, là không hợp lý bởi bị hại Nguyễn Dương tự nguyện lên xe:

Sau khi lên xe, bị hại Nguyễn Dương B1 các bị cáo khống chế, kềm chặt, bị hại liên tục bị đe dọa, uy hiếp tinh thần. Hành vi giữ người diễn ra trong một khoảng thời gian nhất định. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo Lê Minh N4 đủ yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 BLHS, là đúng bản chất hành vi, đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, xét nguyên nhân và điều kiện phạm tội, nhân thân các bị cáo thì có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS. Xử phạt bị cáo **Võ Đại Đức T** 01 năm 03 tháng tù, về tội “*Cố ý gây thương tích*”; 06 tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*” và 04 năm 03 tháng tù, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS. Xử phạt các bị cáo **Lê Minh T1, Lâm Minh N, Ngô Trung H, Võ Ngọc T2** mỗi bị cáo mức án: 06 tháng tù, về tội “*Giữ người trái pháp luật*” và 04 năm tù, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS. Xử phạt bị cáo **Bùi Viết Q** 06 tháng tù, về tội “*Giữ người trái pháp luật*” và 03 năm tù, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo có ý kiến:

- Căn cứ vào số tiền đã trả trước và sau ngày 10/4/2024 để xác định số nợ còn lại chỉ là 45.000.000 đồng. Các bị cáo chỉ lên đòi số nợ còn lại là 45.000.000 đồng nên hành vi của các bị cáo chỉ phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Đồng thời đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS cho các bị cáo. Riêng Luật sư Lê Xuân Anh P cho rằng các bị cáo chỉ yêu cầu bị hại trả nợ nên không phải là hành vi Cưỡng đoạt tài sản.

- Đối với tội “Giữ người trái pháp luật” thì đề nghị Hội đồng xem xét lỗi của bị hại nhiều lần thất hứa, không trả nợ đúng hạn cho các bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đối với tội “Cố ý gây thương tích” của bị cáo Võ Đại Đức T: Hành vi của bị cáo không có tính chất côn đồ vì bị hại bội tín gây ức chế cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào thương tích thực tế chưa làm tròn để xác định khung hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với kháng cáo của Võ Đại Đức T và quan điểm của Luật sư đề nghị xem xét lại tội danh “Cố ý gây thương tích”. Xét thấy:

Ngày 28/5/2024, các bị cáo Võ Đại Đức T, Lê Minh T1, Võ Ngọc T2, Ngô Trung H, Lâm Minh N và Bùi Viết Q đến Buôn Ma T5 tìm Nguyễn D2 để đòi nợ. Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 28/5/2024, các bị cáo gặp Nguyễn Dương tại Buôn Ako D1 – phường T, tỉnh Đắk Lắk. Võ Đại Đức T thừa nhận bị cáo là người nhặt 01 cục gạch cầm trên tay đánh vào đầu Nguyễn Dương khi Nguyễn D2 đang ngồi. Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 215), bản tự khai và các biên bản lấy lời khai (BL 312, 325, 328 có Luật sư Trần Trọng H2 Tham gia), Võ Đại Đức T khai: bức tức vì Nguyễn D2 không trả nợ và nói đã chuyển khoản cho bị cáo T số tiền 10.000.000 đồng nhưng thực tế bị cáo không nhận được nên đã nhặt 01 cục gạch đánh vào đầu Nguyễn Dương.

Người bào chữa cho rằng theo Điều 4 Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 thì tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Dương C2 là 10,76%, nên chỉ khởi tố vụ án khi có yêu cầu của người bị hại, tuy nhiên người bị hại đã làm đơn bãi nại cho các bị cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với Võ Đại Đức T về tội “Cố ý gây thương tích”.

Xét thấy: Kết luận giám định số 432/KLTTCT-PY ngày 29/5/2024; Kết luận giám định bổ sung số 709/KLTTCT-PY ngày 18/9/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đ và Văn bản số 21/GĐTH-TTPY ngày 12/01/2026 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đ xác định: Bị hại Nguyễn D2 có các thương tích: Vết thương cung mày phải là 2.76%; gãy thành trước xoang trán phải là 8%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ

thể là 10,76%, **làm tròn là 11%** được xác định theo đúng phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế.

Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế là văn bản chuyên ngành hướng dẫn xác định tỷ lệ thương tích nên Giám định số 709 xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Dương là A1 (đã làm tròn) là đúng quy định của Thông tư. Đây là kết luận chuyên môn, có giá trị pháp lý, không làm thay đổi kết luận giám định chính thức. Bị cáo dùng cục gạch đánh trực tiếp vào vùng đầu bị hại – là vùng trọng yếu của cơ thể. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo của bị cáo Lâm Minh N cho rằng trước đó Nguyễn Dương H6 gặp các bị cáo tại thành phố B để trả trước số tiền 60.000.000 đồng, bị hại Nguyễn Dương tự N3 lên xe của các bị cáo. Xét thấy:

Biên bản kiểm tra dữ liệu điện thoại Iphone 12 màu vàng của Lê Minh T1 có gắn Sim số 0913444436 (BL 375 - 376), trong mục hình ảnh có 01 Video dài 03 phút 24 giây đã được cơ quan điều tra chuyển ra đĩa DVD. Kết luận giám định số 1531 ngày 14/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ (BL 124) giám định đối với đoạn Video dài 03 phút 24 giây đã chụp 04 ảnh diễn biến sự việc. Trong ứng dụng Zalo có “Nhóm Bản ngã cuộc đời” gồm 05 thành viên: C, T2, T1, N và H được các bị cáo thừa nhận lập ra để trao đổi đòi nợ tiền của Nguyễn D2, có các tin nhắn:

Tài khoản Giáo (của Võ Ngọc T2): *Lần này kg nhân nhượng nó nữa*

T1: *Đừng có nói trước hay hù dọa gì nó biết trước hết. Cứ im im làm thôi.*

Giáo: *Đúng r, im im mai lên luôn. Đô nhà zk nó làm một trận, còn nhà nó a3 biết*

T1: *Gửi hình CCCD nó lên N, phô tô giấy A4, lừa đảo đi rải khắp Buôn mê luôn.*

Trước khi gặp Nguyễn D2, Tài khoản Zalo của Lê Minh T1 nhắn cho Nguyễn D2 nội dung: *“Tiền của ae tao bây giờ m tính sao. Nói thẳng. Mà nghĩ lấy tiền ae tao xong chặn số tao là xong à. Bữa giờ tao để yên cho m làm ăn mà mày vẫn dặt vòng vòng. M đừng để liên lụy tới vợ con gia đình m, mối quan hệ của m thì hết đường nha. Mà muốn tám hình này đi khắp đất Buôn Mê ko”* và gửi 01 tấm ảnh Nguyễn D2 đang quỳ, có mặt trước căn cước công dân và giấy phép lái xe của Nguyễn D2 và dòng chữ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Lê Minh T1 thừa nhận là tin nhắn bị cáo đe dọa đòi nợ Nguyễn Dương. Thông tin sao kê tài khoản của Nguyễn D2 thể hiện lúc 14h ngày 28/5/2024 – trước khi các bị cáo gặp Nguyễn D2, Nguyễn D2 đã chuyển khoản vào tài khoản của Ngô Trung H số tiền 20.000.000 đồng.

Biên bản kiểm tra dữ liệu điện thoại di động Iphone 8 (Sim thuê bao: 0935968772) – ngày 29/5/2024 của Ngô Trung H – (Từ BL 443 đến 450), trong ứng dụng Zalo có nội dung tin nhắn mà H nhắn cho Nguyễn Dương. Vào lúc 14h10 phút H nhắn: *E với T lên gặp a nè. Ae nc chút.*

Trong quá trình điều tra, các bị cáo cũng thừa nhận do Nguyễn D2 không trả nợ đầy đủ như đã hẹn nên bàn bạc thuê xe lên tìm đòi nợ. Võ Đại Đức T còn mua 01 con dao nhằm mục đích khi gặp D2 đòi nợ mà D2 gọi người đến đánh thì sẽ làm hung khí đánh lại. Lời khai ban đầu của các bị cáo phù hợp nội dung tin nhắn nêu trên nên.

Cơ quan điều tra thu giữ 01 đoạn Video kí hiệu Camera 28.5.2024 dài 16 phút 06 giây của hộ dân sống tại Buôn A (BL 138, 139). Kết luận giám định số 1531 ngày 14/10/2024 (BL 124) giám định đối với đoạn Video kí hiệu Camera 28.5.2024 dài 16 phút 06 giây đã chụp 19 ảnh diễn biến sự việc. Tại Biên bản làm việc với các bị cáo về 19 hình ảnh trong Video dài 16 phút 06 giây do cơ quan điều tra thu giữ có Luật sư Lê Xuân Anh P, Trần Trọng H2 và Võ Thị Thu H3 tham gia (BL 146 – 152), các bị cáo Võ Đại Đức T, Lâm Minh N, Lê Minh T1, Võ Ngọc T2, Ngô Trung H, Bùi Viết Q đều khai nhận: ảnh 17 và 18 (Sau khi Võ Đại Đ Thiên cầm gạch đánh vào đầu Nguyễn D2) là Võ Ngọc T2 kéo và đẩy Nguyễn D2 lên xe do D2 không chịu lên xe cùng để trả nợ, phía sau có Q và T1 hỗ trợ. Lâm Minh N khai lúc này có nghe T1 nói với D2 “Mày lên xe không, không tao đánh chết mẹ mày”.

Lời khai của Bùi Viết Q (BL 477-489): Sau khi T dùng gạch đánh vào đầu D2, T nói “Mày không trả tao đâm lòi phèo”. D2 nói chúng tôi ra đầu đường đợi D2 đi mượn tiền nhưng chúng tôi không đồng ý, yêu cầu D2 phải lên xe. Việc D2 lên xe là do chúng tôi ép buộc. Khi D2 không chịu lên, T1 có nói: “Mày không lên tao đâm bây giờ”. T2 kéo tay lôi D2 lên, tôi đứng sau hỗ trợ.

Biên bản làm việc với Võ Đại Đức T và Bùi Viết Q (ngày 29/5/2024), cơ quan điều tra cho xem đoạn Video dài 03 phút 24 giây thu được trong điện thoại của Lê Minh T1, Võ Đại Đức T và Bùi Viết Q xác nhận T là người nói với Q: Mày đứng sau kẹp lại cho tao. Mục đích để giám sát, khống chế D2 thì Q hiểu và đi ra phía sau D2. Như vậy, việc bị hại Nguyễn D2 lên xe các bị cáo là không tự nguyện, bị ép buộc.

Nhiều biên bản hỏi cung các bị cáo Võ Đại Đức T, Lê Minh T1, Lâm Minh N và Võ Ngọc T2 có sự tham gia của các luật sư bào chữa cho các bị cáo đều thể hiện các bị cáo tự nguyện khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tại biên bản lấy lời khai của VKSND tỉnh Đắk Lắk đối với Lê Minh T1 ngày 20/12/2024 (BL 539) có Luật sư Võ Thị Thu H3 tham gia, bị cáo thừa nhận không bị ép cung, quá trình khai báo tự nguyện nên không thay đổi lời khai.

Lời khai của các bị cáo phù hợp diễn biến trong 02 đoạn Video mà cơ quan Điều tra đã thu giữ. Đến 15 giờ 20 phút ngày 28/5/2024, các bị cáo bị bắt quả tang. Quá trình giữ Nguyễn D2 để đòi nợ, tất cả các bị cáo đều tham gia, không có bị cáo nào ngăn cản hay phản đối nên cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội giữ người trái pháp luật là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo và quan điểm của Luật sư cho rằng các bị cáo phạm tội cưỡng đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Xét thấy:

Quá trình điều tra, bị cáo Võ Ngọc T2 khai góp 160.000.000 đồng, bị cáo Lâm Minh N khai góp 50.000.000 đồng. Tại biên bản đối chất giữa Lê Minh T1 và Nguyễn Dương ngày 2 (BL 360), Lê Minh T1 xác nhận T1 góp 130.000.000 đồng (gồm 110 triệu chuyển khoản và 20 triệu tiền mặt). Số tiền Lê Minh T1 khai góp mua Keo phù hợp lời khai của Nguyễn D2 (BL 736), bị cáo T2 (BL634) và bị cáo N (BL336), phù hợp với thông tin sao kê chuyển khoản do Cơ quan điều tra thu thập. Ngoài ra, Nguyễn D2 và các bị cáo còn xác nhận thỏa thuận chi phí đi lại là 50 triệu nên tổng số tiền Nguyễn Dương N5 các bị cáo là 390.000.000 đồng.

Mặc dù trước ngày 10/4/2024, Nguyễn D2 có chuyển khoản cho các bị cáo, nhưng vào ngày 10/4/2024, các bị cáo vẫn yêu cầu Nguyễn Dương K giấy nhận nợ các bị cáo tổng số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi ký giấy nhận nợ, Nguyễn D2 phát hiện có nhầm lẫn nên Nguyễn D2 điện thoại cho N xác nhận lại số tiền Nguyễn D2 còn nợ các bị cáo là 370.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra thu thập thông tin sao kê chuyển khoản của Nguyễn D2, Lâm Minh N, Ngô Trung H (BL 177-214), đối chất làm rõ về số tiền Nguyễn D2 đã trả cho nhóm bị cáo T từ sau ngày 10/4/2024 đến ngày 23/5/2024.

Từ ngày 27-28/5/2024, các bị cáo đã bàn bạc thuê xe ô tô từ Khánh Hòa lên Buôn M đòi nợ. Tại biên bản làm việc ngày 29/5/2024 (BL 221), và nhiều Biên bản lấy lời khai các bị cáo có Luật sư tham gia, các bị cáo khai nhận: sau khi gặp Nguyễn D2, bị cáo T dùng gạch đánh vào đầu Nguyễn D2, các bị cáo dùng lời lẽ đe dọa để D2 trả hết số nợ là 235.000.000 đồng nên Nguyễn D2 đã trả thêm số tiền 10.000.000 đồng. D2 nói sẽ trả thêm 30 triệu và nói các bị cáo ra đầu đường đứng đợi nhưng các bị cáo không đồng ý, ép D2 lên xe ô tô. Sau đó, D2 trả thêm số tiền 30.000.000 đồng, xác nhận số nợ còn lại là 195.000.000 đồng và hẹn trả vào ngày 14/6/2024. Lời khai của bị cáo Q trong quá trình điều tra cũng xác định có nghe các bị cáo nói lên đòi từ người tên B2 số tiền 270.000.000 đồng. Như vậy, các tài liệu chứng cứ và diễn biến sự việc xảy ra chứng minh các bị cáo lên đòi Nguyễn Dương T16 hết số nợ. Tại thời điểm bị đánh, số nợ các bị cáo yêu cầu trả là 235.000.000 đồng.

Mặc dù thực tế Nguyễn D2 trả được 40.000.000 đồng nhưng tội Cưỡng đoạt tài sản có cấu thành hình thức, được xác định căn cứ vào số tiền mà các bị cáo buộc bị hại phải giao nộp, không phụ thuộc vào việc các bị cáo đã chiếm đoạt được bao nhiêu tiền trên thực tế. Trong vụ án này, bị cáo Võ Đại Đức T là người giữ vai trò cầm đầu, dùng vũ lực đánh bị hại, chỉ đạo các bị cáo khác khống chế, giữ người trái pháp luật. Mục đích của nhóm bị cáo là buộc bị hại Nguyễn D2 phải giao nộp toàn bộ số tiền còn lại là 235.000.000 đồng. Hành vi cưỡng đoạt diễn ra liên tục, kéo dài từ thời điểm hành hung bị hại tại Buôn A cho đến khi bị bắt quả tang trên đường T,

thành phố B. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

[4] Đối với kháng cáo của Lê Minh T1 cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng đã vi phạm thủ tục tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố có hành vi ép cung, mớm cung. Xét thấy:

Lời khai của bị cáo Lê Minh T1 trong quá trình điều tra có sự tham gia của người bào chữa theo đúng quy định. Các lời khai của bị cáo phù hợp, thống nhất với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của bị hại, dữ liệu chuyển tiền, dữ liệu điện tử, video ghi lại diễn biến vụ việc. Bị cáo Lê Minh T1 là người trực tiếp nhắn tin, đe dọa, sử dụng hình ảnh bôi nhọ danh dự bị hại, tham gia khống chế, ép buộc bị hại lên xe, cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi cưỡng đoạt buộc bị hại phải trả tiền, thể hiện vai trò tích cực trong hành vi phạm tội.

[5] Đối với nội dung bị cáo Lâm Minh N khai có bản ghi âm trong chiếc điện thoại Realme10 Pro5G, màu đen của bị cáo, thể hiện bị hại D2 xác nhận trả nợ số tiền 60.000.000 đồng trong ngày 28 tháng 5 năm 2024, số tiền còn lại thì cho D2 trả sau. Người bào chữa bà Võ Thị Thu H3 cho rằng tại phiên đối chất ngày 08/5/2025 giữa bị hại và các bị cáo Lâm Minh N và bị cáo Võ Ngọc T2 thì bị hại Nguyễn Dương thừa N6 giữa các bên có thỏa thuận vào ngày 28/5/2024 sẽ trả cho nhóm các bị cáo số tiền 60.000.000 đồng còn nợ, tuy nhiên điều tra viên và kiểm sát viên không đưa vào nội dung biên bản đối chất nên đã làm sai lệch bản chất hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Như đã nhận định nêu trên, do Nguyễn D2 không trả nợ đúng hạn nên các bị cáo thuê xe lên tìm Nguyễn Dương Đ1 nợ. Biên bản kiểm tra điện thoại của Lâm Minh N có tin nhắn Z và 02 tin nhắn của Ngân hàng, không thể hiện có File Ghi âm (BL 336). Kết luận giám định số 772 ngày 10/6/2025 (đối với Điện thoại Realme có 02 sim 4G, kiểu máy: RMX 3686) của Lâm Minh N - Bl 703: Không tìm thấy tập tin ghi âm. KLG Đ số 1122 ngày 15/8/2025 (đối với Điện thoại Realme có 02 sim 4G, kiểu máy: RMX 3686) của Lâm Minh N) yêu cầu phục hồi và trích xuất 01 File ghi âm trong điện thoại, có bị cắt ghép, chỉnh sửa không? Kết luận: Không tìm thấy tệp âm thanh trong điện thoại **(BL 774)**.

Tại biên bản đối chất ngày 28/5/2025, giữa bị hại và các bị cáo Lâm Minh N, Võ Ngọc T2, người bào chữa bà Võ Thị Thu H3 có chứng kiến và không có ý kiến gì trong biên bản đối chất.

Mặt khác, các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được như đã nêu trên đã đủ cơ sở chứng minh các bị cáo đều tham gia, không có bị cáo nào phản đối khi giữ người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản, không có bị cáo nào bị oan sai.

[6] Đối với lời trình bày của các bị cáo Ngô Trung H và Võ Ngọc T2 cho rằng trong vụ án còn có những tình tiết chưa được đánh giá phù hợp với lời khai của các

bị cáo. Xét thấy:

Toàn bộ lời khai của các bị cáo Ngô Trung H và Võ Ngọc T2 trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm phù hợp, thống nhất với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của bị hại Nguyễn D2, các chứng cứ vật chất, dữ liệu điện tử và tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Ngô Trung H là người trực tiếp liên hệ, trao đổi, xác nhận số tiền bị hại còn nợ, tham gia đe dọa, gây sức ép buộc bị hại phải chuyển tiền, đồng phạm tích cực trong suốt quá trình giữ người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản. Bị cáo Võ Ngọc T2 là người điều khiển phương tiện chở các bị cáo và bị hại, trực tiếp tham gia kéo, đẩy, ép bị hại lên xe, tham gia hành vi giữ người trái pháp luật, tạo điều kiện cho việc cưỡng đoạt tài sản. Như vậy, các bị cáo không phải là người tham gia thứ yếu mà đều giữ vai trò tích cực, có tính quyết định trong việc thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Võ Đại Đức T, Võ Ngọc T2, Ngô Trung H, Lâm Minh N, Lê Minh T1. Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Về động cơ, mục đích phạm tội: Vào tháng 12/2023, giữa các bị cáo và bị hại Nguyễn D2 có thỏa thuận góp vốn thu mua cây keo với tổng số tiền 340.000.000 đồng và 50.000.000 đồng chi phí đi lại, ăn ở. Khi không thực hiện đúng tiến độ thu hoạch, bị hại có dấu hiệu bội tín trong việc hoàn trả vốn. Việc bị hại có một phần lỗi trong việc chậm trễ thanh toán đã gây bức xúc, khiến các bị cáo có cách xử lý tiêu cực, vi phạm pháp luật. Động cơ phạm tội của các bị cáo xuất phát từ tâm lý muốn thu hồi tài sản hợp pháp của mình nên cần xem xét nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo để áp dụng chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo cơ hội sớm trở về với gia đình, xã hội. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là nhân văn, có cơ sở nên cần chấp nhận.

[7.2] Đối với tội Cố ý gây thương tích:

Bị cáo Võ Đại Đức T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đã được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7.3] Đối với tội Cưỡng đoạt tài sản:

Số tiền các bị cáo yêu cầu Nguyễn Dương T16 lại thực chất là tiền góp vốn của các bị cáo. Các bị cáo về cơ bản cũng đã thành khẩn khai báo về hành vi, ăn năn hối cải nên áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho các bị cáo. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không phải là những đối tượng đòi nợ thuê trái phép hay chuyên nghiệp nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ Luật hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[7.4] Đối với tội Giữ người trái pháp luật:

Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Các bị cáo giữ trái pháp luật bị hại Nguyễn Dương N7 đòi lại số tiền mà các bị cáo đã góp cho Nguyễn D2, các bị cáo giữ người trong thời gian ngắn thì bị bắt. Cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức án 02 năm tù là có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cơ bản đã khai nhận về hành vi, ăn năn hối cải nên áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự cho các bị cáo.

[8] Đối với bị cáo Bùi Viết Q mặc dù không có kháng cáo, kháng nghị nhưng xét thấy bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, hình phạt dành cho bị cáo Q là nghiêm khắc, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo có kháng cáo nên cần áp dụng Khoản 3 Điều 357 Bộ luật hình sự để xem xét giảm hình phạt cho bị cáo Bùi Viết Q.

[9] Bị cáo Lê Minh T1 xin được nhận lại điện thoại đã thu giữ, tuy nhiên bị cáo sử dụng điện thoại để nhắn tin đe dọa Nguyễn Dương N8 cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung Ngân sách là đúng quy định.

[10] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Võ Đại Đức T, Ngô Trung H, Võ Ngọc T2, Lâm Minh N, Lê Minh T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Đại Đức T, Ngô Trung H, Võ Ngọc T2, Lâm Minh N, Lê Minh T1. Sửa bản án hình sự thẩm số 61/2025/HS-ST ngày: 25/9/2025 của TAND Khu vực I – Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Đại Đức T 01** (Một) năm tù về tội Cố ý gây thương tích.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Đại Đức T 09** (C1) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Đại Đức T 04** (Bốn) năm 06 (S1) tháng tù về tội Cường đoạt tài sản;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả ba tội buộc bị cáo **Võ Đại Đức T** phải chấp hành là: 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/05/2024).

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Minh T1** 09 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”;

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Minh T1** 04 (Bốn) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo **Lê Minh T1** phải chấp hành là: 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/05/2024).

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lâm Minh N** 09 (C1) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lâm Minh N** 04 (Bốn) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo **Lâm Minh N** phải chấp hành là: 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/05/2024).

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Ngô Trung H** 09 (C1) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Ngô Trung H** 04 (Bốn) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo **Ngô Trung H** phải chấp hành là: 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/05/2024).

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Ngọc T2** 09 (C1) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”;

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Ngọc T2** 04 (Bốn) (Sáu) năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo **Võ Ngọc T2** phải chấp hành là: 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/05/2024).

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Viết Q** 06 (S1) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Viết Q** 03 (Ba) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo Bùi Viết Q phải chấp hành là: 04 (B3) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/05/2024).

[3] Về án phí: Các bị cáo Lê Minh T1, Lâm Minh N, Võ Đại Đức T, Ngô Trung H, Võ Ngọc T2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I - TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đắk Lắk
- TAND khu vực 1 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương